TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 21-8-2018.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Thái

2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2018/TLST-HN ngày 28 tháng 5 năm 2018 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diệu H, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976, địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1951, địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

4. Người làm chứng do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan triệu tập tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp G, xã N1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; nguyên đơn chị Trần Thị Diệu H trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện M1(nay là huyện M), vào năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị sống chung bên gia đình anh L, sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên nhậu về kiếm chuyện gây gỗ trong gia đình, không lo lắng cho vợ con. Anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có bàn bạc để hàn gắn tình cảm. Nay chị xin được ly hôn với anh L vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 15/9/2001, hiện đang sống với cô ở Bình Dương. Nay ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị thừa nhận vợ chồng chị có mượn của ông Nguyễn Văn N (cha chồng) số tiền 20.000.000 đồng để chăn nuôi heo và mua xe. Trong đó: Tiền mua xe là 5.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng để xây dựng chuồng heo và mua heo con về nuôi. Anh L đã trả cho ông N 5.000.000 đồng nên còn nợ lại 15.000.000 đồng. Nay ông N yêu cầu chị và anh L phải hoàn trả số tiền còn nợ cho ông N thì chị không đồng ý vì khi chị ra đi không có lấy tài sản gì.

Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh thống nhất phần trình bày của chị H về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có bàn bạc để hàn gắn tình cảm. Nay anh vẫn còn thương vợ nhưng do vợ đã cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 15/9/2001, hiện đang sống với cô ở Bình Dương. Nay ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh chị có mượn của ông Nguyễn Văn N (cha ruột) số tiền 20.000.000 đồng để chăn nuôi heo và mua xe. Vào năm 2015, anh đã trả cho ông N 5.000.000 đồng nên còn nợ lại 15.000.000 đồng. Nay ly hôn anh tự nguyện hoàn trả cho ông Năm số tiền 10.000.000 đồng, yêu cầu chị H hoàn trả cho ông N số tiền còn lại là 5.000.000 đồng. Đối với số tiền anh đã tự nguyện

hoàn trả cho ông N anh không yêu cầu chị Hiền phải hoàn trả lại cho anh một nửa.

Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào thời gian nào ông không nhớ rõ, ông có cho vợ chồng H, L mượn số tiền 20.000.000 đồng, không tính lãi. Nguồn gốc của số tiền này là do ông vay của Ngân hàng. Sau đó, L có hoàn trả cho ông được 5.000.000 đồng. Hiện vợ chồng H, L còn nợ lại ông 15.000.000 đồng. Nay H xin ly hôn với L nên ông yêu cầu H, L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 19/6/2018, cháu Nguyễn Thanh N1 trình bày như sau:

Hiện cháu đã đi làm có thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng đã tự lo cho bản thân nên cháu không muốn sống cùng với cha hoặc mẹ. Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với bà nội vì từ nhỏ đến giờ cháu sống với bà nội.

Tại Biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Diệu H có nội dung như sau:

Trong cuộc sống vợ chồng của anh L và chị H, anh L không lo kinh tế gia đình, không phụ nuôi con, thường hay nhậu nhẹt và đánh đập vợ con nên chị H đã bỏ nhà đi. Trong thời gian này, con chung của anh chị sống với bà nội và hiện anh L đã có vợ khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Diệu H và anh Nguyễn Văn L; Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Diệu H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 15/9/2001; anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Diệu H không có yêu cầu; Tài sản chung: Không có nên không đề cập; Về nợ chung: Buộc anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 10.000.000 đồng, buộc chị Trần Thị Diệu H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Trần Thị Diệu H và anh Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống chung bên gia đình anh L, sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về kinh tế, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, không lo lắng cho vợ con nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có bàn bạc để hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, chị H và anh L thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị H và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 15/9/2001. Anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn chị H là người trực tiếp nuôi cháu N1. Mặc dù, tại biên bản lấy ý kiến cháu N1 vẫn cương quyết sống chung với bà nội, không đồng ý với cha hoặc mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nhưng cháu N1 chưa đủ 18 tuổi và nguyện vọng của cháu N1 không phù hợp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Mặt khác, các bên đều thừa nhận từ lúc ly thân đến nay cả anh L và chị H đều không trực tiếp nuôi cháu N1. Vì vậy, xét thấy sự thỏa thuận của anh L và chị H là phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, việc chị Hiền không yêu cầu anh L cấp dưỡng là sự tự nguyện của chị H nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản:*

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung nên không đề cập.

Về nợ chung: Anh L, chị H thừa nhận trong thời gian chung sống anh chị có vay của ông Nguyễn Văn N số tiền 20.000.000 đồng để mua xe và chăn nuôi, anh L đã trả được 5.000.000 đồng nên còn nợ lại 15.000.000 đồng. Ông N có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu anh L và chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Anh L cho rằng đây là nợ chung và nay vợ chồng ly hôn nên anh tự nguyện trả 10.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng anh yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông N. Đối với

chị H xác định đây là nợ chung của vợ chồng nhưng do khi ra đi chị không lấy tài sản gì nên chị không đồng ý cùng anh L hoàn trả số nợ này cho ông N. Xét thấy, các đương sự thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân anh L và chị H có cùng nhau vay của ông N số tiền 20.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích sinh hoạt, phát triển kinh tế gia đình nên việc ông N yêu cầu anh L và chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông số tiền còn nợ lại 15.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do anh L và chị H ly hôn nên số nợ này sẽ chia đều làm hai phần bằng nhau, buộc anh L và chị H, mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông N số tiền 7.500.000 đồng. Tại phiên tòa, anh L tự nguyện hoàn trả cho ông N số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh L, phù hợp với quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận. Ghi nhận việc ông N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh L, chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả. Ghi nhận việc anh L không yêu cầu chị H phải hoàn trả cho anh một nửa số tiền anh đã tự nguyện hoàn trả cho ông N.

[5] *Về án phí:*

Chị Trần Thị Diệu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Trần Thị Diệu H, anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Năm.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Diệu H và anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Diệu H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 15/9/2001; anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Diệu H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị H, anh L Toà án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung nên không đề cập.

Về nợ chung: Buộc anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền là 10.000.000 đồng. Buộc chị Trần Thị Diệu H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền là 5.000.000 đồng Ghi nhận việc ông N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh L, chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả. Ghi nhận việc anh L không yêu cầu chị H phải hoàn trả cho anh một nửa số tiền anh đã tự nguyện hoàn trả cho ông N.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số ******* ngày **/*/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Buộc chị Trần Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 300.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 500.000 đồng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã P (62, 2005)
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang